

Số: 1.17/QĐ-CVHHKG

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Nội quy cảng biển Kiên Giang

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BGTVT ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ Hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-TCCB-LĐ ngày 13 tháng 3 năm 1995 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Cảng vụ Kiên Giang (nay là Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang) và Công văn số 419/CHVN-PC ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Nội quy cảng biển Kiên Giang".

Điều 2.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.
- Thay thế Quyết định số 228/QĐ-CVHHKG ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang Ban hành Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Các phòng: Pháp chế, Thanh tra - An toàn, An ninh hàng hải, Tổ chức - Hành chính, Tài vụ, Trưởng đại diện, Trưởng trạm và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Sở GTVT tỉnh Kiên Giang;
- BCH Biên phòng tỉnh Kiên Giang;

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Lợi

- Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang;
- Trung tâm YTDP (KDYTQT) KG;
- Chi cục Kiểm dịch động vật, thực vật;
- Các Doanh nghiệp cảng biển, bến TNĐ;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, TNĐ;
- Các Doanh nghiệp CUDV hàng hải;
- Các tổ chức Hoa tiêu;
- Tổng công ty ĐBANHH Miền Nam;
- Các cá nhân, đơn vị, tổ chức có liên quan;
- Lưu: TCHC, PC.

NỘI QUY CẢNG BIỂN KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/QĐ-CVHHKG
ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động quản lý hàng hải tại cảng biển Kiên Giang trên cơ sở quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (Nghị định số 58/2017/NĐ-CP) và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Vùng nước cảng biển Kiên Giang được quy định tại Thông tư của Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải tại cảng biển.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Kiên Giang là Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Cảng vụ”) có trụ sở và các Đại diện, Trạm như sau:

1. Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang
 - Địa chỉ: số 40, đường Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
 - Điện thoại: 02973.811 210
 - Fax: 02973.811 213
 - E-mail: cangvu.kgg@vinamarine.gov.vn
2. Đại diện Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Hòn Chông
 - Địa chỉ: Ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại: 02973.854 601
 - Fax: 02973.854 648
 - E-mail: daidiencangvuhc@gmail.com
3. Đại diện Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Hà Tiên
 - Địa chỉ: Đường Chiêu Anh Các, khu phố V, phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang)
 - Điện thoại: 02973.852 648
 - Fax: 02973.952 349

- E-mail: daidiencangvuht@gmail.com
- 4. Địa diện Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Phú Quốc
 - Địa chỉ: khu phố III, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại: 02973.844 278
 - Fax: 02973.999 622
 - E-mail: daidiencangvupq@gmail.com
- 5. Trạm Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Nam Du
 - Địa chỉ: xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại: 02973.690 454
- 6. Trạm Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Gành Dầu
 - Địa chỉ: xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại: 02973.989 323
- 7. Trạm Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại Bãi Vòng
 - Địa chỉ: xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại: 02973.844 278

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1

THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN (VÀO) VÀ RỜI CẢNG

Điều 4. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời cảng biển

1. Tàu thuyền đến cảng biển Kiên Giang phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Chương IV, Mục 3, Điều 94, Khoản 1 và 2 của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Chương IV, Mục 1 và Chương V, Mục 1 và Mục 2 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Đối với tàu thuyền được miễn hoa tiêu chậm nhất 30 phút trước khi đến ranh giới vùng đón trả hoa tiêu phải xác báo tàu thuyền đến cảng theo quy định.

4. Tàu biển chỉ hành trình qua vùng nước cảng biển, nhưng không dừng lại thì chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước phải thông báo cho Cảng vụ bằng VHF hoặc bằng các phương tiện thông tin thích hợp khác biết về tên tàu, chiều dài, mớn nước, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm (nếu có) và dự kiến hành trình của tàu trong thời gian đi qua.

Điều 5. Điều động tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Việc điều động tàu thuyền vào neo đậu tại các vị trí trong vùng nước cảng biển do Giám đốc Cảng vụ quyết định.

2. Phương tiện thủy nội địa, tàu cá Việt Nam phải neo đậu tại các vị trí an toàn trong vùng nước theo chỉ định của Cảng vụ.

Điều 6. Thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng

1. Thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng biển Kiên Giang thực hiện theo quy định tại các Điều 72, 73, 74, 75 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thủ tục tàu biển đến và rời cảng biển thực hiện theo Điều 87, 88, 89, 90, 92, 93, 94, 95, 96, 97 và 98 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Thủ tục phương tiện thủy nội địa đến và rời cảng biển thực hiện theo Điều 99 và 100 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Phương tiện thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển thực hiện thủ tục như đối với tàu biển.

4. Trừ trường hợp làm thủ tục tại tàu theo quy định tại Khoản 3, Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, việc làm thủ tục tàu đến, rời cảng biển thực hiện tại các địa điểm sau đây:

a) Khu vực Thành phố Rạch Giá: Trụ sở Cảng vụ hàng hải Kiên Giang.

b) Khu vực Kiên Lương: Trụ sở Đại diện Cảng vụ hàng hải Kiên Giang tại Hòn Chông.

c) Khu vực Hà Tiên: Trụ sở Đại diện Cảng vụ hàng hải Kiên Giang tại Hà Tiên.

d) Khu vực Phú Quốc: Trụ sở Đại diện Cảng vụ hàng hải Kiên Giang tại Phú Quốc.

đ) Khu vực Nam Du: Trụ sở Trạm Cảng vụ hàng hải Kiên Giang tại Nam Du.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI KHÁC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 7. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Điều 8, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

1. Các công trình phải lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải như: công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và khu nước, vùng nước; công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, phong điện, thủy điện, nhiệt điện... và các công trình thi công, đầu tư xây dựng trong vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải.

2. Đối với những công trình không phải lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải, trước khi tiến hành xây dựng chủ đầu tư gửi cho Cảng vụ bản sao quyết định đầu tư và bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình để tổ chức kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 8. Hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và cảng cá

1. Trước khi trả lời chủ đầu tư về việc thỏa thuận cho phép đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa, cảng cá cơ quan thẩm quyền tổ chức quản lý đầu tư phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ theo Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng chủ đầu tư gửi các giấy tờ liên quan đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị công bố đưa công trình vào sử dụng theo quy định và tiến hành thủ tục thông báo đưa công trình vào sử dụng theo Điều 15 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 9: Thủ tục công bố thông báo hàng hải

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Khoản 6, 7, 8 Điều 44 và Điều 54, 56, 57 và 59 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Cảng vụ thực hiện việc công bố Thông báo hàng hải như sau:

1. Thông báo về phân luồng giao thông hoặc yêu cầu tàu thuyền, phương tiện hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động trên luồng hàng hải nhằm đảm bảo an toàn hàng hải.

2. Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải trong trường hợp một khu vực biển được sử dụng cho hoạt động diễn tập quân sự, khu vực đổ chất thải, khu vực cấm neo đậu, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, khu vực xảy ra sự cố tràn dầu hoặc chất độc hại, khu vực đổ đất, nghiên cứu khoa học, đánh bắt, nuôi trồng hải sản, giải trí, du lịch, thể thao, vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương hay các hoạt động dân sự khác.

3. Thông báo hàng hải về các thông tin truyền phát lại, thông tin chỉ dẫn hàng hải liên quan đến hoạt động hàng hải và các thông tin khác có liên quan đến hoạt động của người và tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển Việt Nam phải được công bố thông báo hàng hải.

Điều 10. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Điểm e, Khoản 2 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

1. Trước khi tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước phải làm thủ tục xin phép Cảng vụ.

2. Người làm thủ tục gửi văn bản đề nghị đến Cảng vụ, chậm nhất 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản, Cảng vụ sẽ có văn bản trả lời việc chấp thuận hay không chấp thuận.

Điều 11. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cầu nổi và các thiết bị công trình khác

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

1. Thuyền trưởng hoặc người chỉ huy của tàu thuyền thi công công trình hàng hải, tàu thuyền chuyên dùng để nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cầu nổi và các thiết bị công trình khác phải xin phép Cảng vụ trước khi tiến hành hoạt động.

2. Người làm thủ tục gửi văn bản đề nghị đến Cảng vụ, chậm nhất 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản, Cảng vụ sẽ có văn bản trả lời việc chấp thuận hay không chấp thuận.

Điều 12. Thủ tục cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

1. Hoạt động cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển phải được sự chấp thuận của Cảng vụ.
2. Người đề nghị gửi văn bản đến Cảng vụ, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ có văn bản chấp thuận nếu việc cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại khu vực.

Điều 13. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Khoản 9, Điều 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

1. Người làm thủ tục gửi văn bản đề nghị đến Cảng vụ 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:
 - Văn bản đề nghị tiến hành sửa chữa, vệ sinh;
 - Bản sao phương án phòng, chống cháy nổ (nếu có ảnh hưởng đến phòng, chống cháy, nổ).
2. Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ tổ chức lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về phòng, chống cháy, nổ tại khu vực và có văn bản trả lời việc chấp thuận hay không chấp thuận.

Điều 14. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Điều 118 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

1. Việc tháo bỏ niêm phong hoặc việc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua những van hoặc thiết bị quy định tại khoản này chỉ được thực hiện với sự đồng ý của Giám đốc Cảng vụ và có sự giám sát trực tiếp của nhân viên Cảng vụ;
2. Người làm tục gửi trực văn bản đề nghị đến Cảng vụ tại khu vực tàu thuyền hoạt động, chậm nhất 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ sẽ có văn bản trả lời việc chấp thuận hay không chấp thuận.

Điều 15. Thủ tục phê duyệt phương án neo chò

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Điều 66 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Tàu thuyền neo chò không làm hàng hoặc đón trả khách, không hoạt động dịch vụ từ 30 ngày trở lên phải lập phương án cho tàu thuyền neo chò gửi Cảng vụ khu vực phê duyệt.
2. Phương án cho tàu thuyền neo chò gồm các nội dung sau:
 - Tên tàu thuyền;

- Chủ sở hữu và người quản lý, khai thác tàu thuyền;
- Đặc điểm kỹ thuật của tàu thuyền;
- Lý do neo chờ;
- Thời gian và địa điểm dự kiến neo chờ;
- Số lượng thuyền viên trên tàu trong thời gian tàu thuyền neo chờ;
- Biện pháp bảo đảm an toàn cho tàu và ứng phó sự cố cho tàu thuyền.

3. Cảng vụ căn cứ điều kiện thực tế, quyết định số lượng thuyền viên trên tàu và phê duyệt phương án an toàn neo chờ của tàu thuyền.

Điều 16. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Thông tư của Bộ Giao thông vận tải cụ thể như sau:

1. Các giấy tờ phải nộp:

- Kháng nghị hàng hải (02 bản);
- Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản);
- Bản trích sao hải đồ liên quan đến vụ việc, trừ trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra khi tàu thuyền đang neo đậu tại cảng biển (01 bản).

2. Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB), tàu cá:

- Kháng nghị hàng hải (02 bản);
- Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản, nếu có);
- Bản sao tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (01 bản, nếu có).

3. Các giấy tờ phải xuất trình:

- Các loại Nhật ký liên quan đến vụ việc (bản chính).
- Các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có); đối với bản kháng nghị hàng hải, ngoài chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có con dấu) còn phải có chữ ký của máy trưởng, một sĩ quan hoặc một thủy thủ với tư cách là những người làm chứng.

4. Trình tự, thời gian thực hiện, xử lý hồ sơ xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tiến hành như sau:

- Thuyền trưởng lập hồ sơ gửi trực tiếp đến Cảng vụ tại khoản 1, 2 Điều này.
- Cảng vụ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 30 phút, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cảng vụ sẽ hướng dẫn thuyền trưởng hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ, Cảng vụ xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

Điều 17. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển

Doanh nghiệp Cảng biển phải thực hiện thủ tục thẩm định Đánh giá an ninh cảng biển theo yêu cầu của Bộ luật ISPS và quy định của Bộ Giao thông vận tải.

1. Doanh nghiệp cảng biển nộp hồ sơ đề nghị đến Cảng vụ gồm:

- Công văn đề nghị phê duyệt Đánh giá an ninh cảng biển do Giám đốc doanh nghiệp cảng ký.

- 01 bản Đánh giá an ninh cảng biển có xác nhận của giám đốc Doanh nghiệp cảng biển ở trang cuối (đối với cảng liên doanh với nước ngoài hoặc người khai thác cảng là pháp nhân, thể nhân nước ngoài thì Đánh giá an ninh cảng biển phải được dịch sang tiếng Anh).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Cảng vụ sẽ hướng dẫn cho Doanh nghiệp bổ sung hoàn chỉnh; nếu đầy đủ thì Cảng vụ thông báo về thời gian đánh giá tại cảng biển.

2. Sau khi hoàn thành đánh giá, nếu Đánh giá an ninh cảng biển đáp ứng theo Bộ luật ISPS và các quy định của Bộ Giao thông vận tải, chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cảng biển thì Giám đốc Cảng vụ cấp Giấy chứng nhận Thẩm định - Phê duyệt

3. Lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho Cảng vụ để nhận Giấy Chứng nhận.

Điều 18. Thủ tục phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo Nghị định của Chính phủ Quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

1. Chủ sở hữu hoặc Tổ chức, cá nhân tài sản chìm đắm khi phát hiện tài sản chìm đắm gây nguy hiểm trong vùng nước cảng biển hoặc vùng biển Việt Nam có trách nhiệm thông báo ngay cho Cảng vụ.

2. Chủ sở hữu hoặc Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

a) Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm, bao gồm:

- Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm;

- Phương án trực vớt tài sản chìm đắm theo quy định;

- Các tài liệu, giấy tờ cần thiết khác có liên quan (nếu có).

b) Trường hợp hồ sơ nhận được không hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ sẽ hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ có văn bản phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

Điều 19. Thủ tục tạm giữ tàu biển để điều tra tai nạn hàng hải

1. Khi xảy ra tai nạn Thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý, khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm báo cáo tai nạn hàng hải cho Cảng vụ theo quy định.

2. Đối với tai nạn hàng hải gây tổn thất về người cho thuyền viên thì thuyền trưởng, chủ tàu, người sử dụng lao động, ngoài nghĩa vụ báo cáo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về báo cáo điều tra tai nạn hàng hải, còn phải nhanh chóng thông báo cho Cơ quan thanh tra lao động của địa phương nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính.

3. Giám đốc Cảng vụ quyết định tạm giữ tàu biển để điều tra tai nạn hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Trình tự, thời hạn và thủ tục:

a) Giám đốc Cảng vụ ra quyết định tạm giữ tàu biển trong quá trình điều tra tai nạn hàng hải mà việc tạm giữ là cần thiết để phục vụ công tác điều tra.

b) Quyết định tạm giữ tàu biển phải được tổng đạt ngay cho thuyền trưởng tàu bị giữ, gửi Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại cảng biển.

c) Khi nhận được quyết định tạm giữ tàu biển Thuyền trưởng và người có liên quan phải thực hiện các yêu cầu tại quyết định tạm giữ.

4. Sau khi hết thời hạn tạm giữ hoặc lý do tạm giữ tàu biển không còn, Giám đốc Cảng vụ ra quyết định chấm dứt việc tạm giữ tàu biển gửi cho Thuyền trưởng tàu bị giữ, Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

5. Việc tạm giữ tàu biển phải được lập thành văn bản.

Giám đốc Cảng vụ hàng hải được tạm giữ tàu biển không quá 05 ngày để thu thập chứng cứ phục vụ công tác điều tra. Việc tạm giữ quá thời hạn trên trong trường hợp tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng biển sẽ do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

Điều 20. Địa điểm làm thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

1. Trụ sở: Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang thực hiện tất cả các thủ tục theo quy định.

2. Các Đại diện Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang tại các khu vực Kiên Lương, Hà Tiên và Phú Quốc thực hiện các thủ tục theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Giám đốc Cảng vụ giao.

Mục 3

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 21. Sử dụng phương tiện thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có thể tiến hành việc thông tin liên lạc với Cảng vụ qua địa chỉ, điện thoại, Fax, E-mail quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

- Kênh trực canh và phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải: 16;
- Kênh làm việc: 12;

3. Nếu thấy cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc qua Đài thông tin duyên hải Kiên Giang (Kiên Giang Radio), tần số HF: 6510; 8173.

4. Tên của tàu thuyền hoặc của tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

5. Tất cả các tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 12, 16. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên các kênh 16.

Điều 22. Xác báo thông tin về điều động tàu thuyền

1. Ngay sau khi kết thúc việc điều động tàu thuyền cập cầu cảng, cập mạn hay thả neo tại khu neo đậu theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết: tên tàu, thời gian chính xác kết thúc điều động tàu và vị trí tàu hiện tại.

2. Chậm nhất là ngay trước thời điểm điều động tàu thuyền rời cầu cảng, vị trí neo theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải xác báo cho Cảng vụ biết: tên tàu, thời gian chính xác bắt đầu điều động tàu.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 23. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ được thể hiện dưới các hình thức sau:

- Kế hoạch điều động tàu (đối với tổ chức hoa tiêu và doanh nghiệp cảng);
- Lệnh điều động (đối với tàu thuyền);
- Giấy phép rời cảng (đối với tàu thuyền);
- Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện ngay, thuyền trưởng hoặc tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ bằng văn bản (fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc điện thoại hay qua VHF để xử lý.

Điều 24. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Tàu thuyền khi hành trình trong vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định tại Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền khi hành trình cùng chiều không được đi gần nhau hoặc thành hàng ngang mà phải đi theo hàng một và luôn giữ khoảng cách an toàn đối với tàu thuyền đi trước, đi sau và các tàu thuyền khác.

2. Để bảo đảm an toàn, thuyền trưởng của tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Chấp hành chính xác, kịp thời lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ; trường hợp không thể thực hiện ngay thì phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ để xử lý;

b) Khi hành trình trên luồng, tàu thuyền phải duy trì tốc độ phù hợp nhằm bảo đảm an toàn, đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: luồng hẹp, khu quay trở, đang có hoạt động ngầm dưới nước, thi công công trình, công trình qua biển, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ hàng hoá, neo đậu và điều động của tàu thuyền khác;

c) Không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay các khu vực cấm hoặc hạn chế khác. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn của tàu mình và các tàu thuyền khác; đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn.

3. Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, nghiêm cấm tàu thuyền đi vào vệt dầu loang; phải giảm tốc độ tới mức thấp nhất khi cần thiết phải đi ngang qua hoặc gần khu vực đang tiến hành xử lý sự cố tràn.

4. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng.

Điều 25. Cập mạn của tàu thuyền

Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

1. Tàu công vụ, tàu hoa tiêu được cập mạn tàu thuyền khác để thực hiện nhiệm vụ.

2. Tàu thuyền cập mạn nhau phải có sự thỏa thuận của hai thuyền trưởng để áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn khi cập mạn và phải được sự chấp thuận của Cảng vụ.

3. Tàu vận tải hành khách tuyến vận tải từ bờ ra đảo chỉ được cập mạn để chờ vào cầu, tàu bên ngoài cầu không được nhận khách, hàng hóa hoặc tiếp nhiên liệu.

4. Tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa cập mạn tàu biển phải được sự chấp thuận và điều động của Cảng vụ.

5. Cập mạn hàng hai là cập mạn không quá 01 (một) tàu về mỗi bên mạn của tàu được cập. Cập mạn hàng ba là cập không quá 02 (hai) tàu về mỗi bên của tàu được cập

Trường hợp chiều dài của tàu được cập đủ điều kiện tiếp nhận nhiều tàu cập mạn theo chiều dọc. Giám đốc Cảng vụ xem xét quyết định cho các tàu cập mạn theo hàng dọc để đảm bảo an toàn.

Điều 26. Bảo đảm an toàn khi điều động tàu thuyền

1. Tàu thuyền không được phép vượt qua hay đi vào vùng quay trở khi có tàu thuyền khác đang quay trở, nếu hành động đó làm ảnh hưởng tới quá trình quay trở.

2. Tàu thuyền đang tiến hành quay trở phải tăng cường cảnh giới và sử dụng các phương tiện thích hợp để cảnh báo cho các tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng hiện tại cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó ở khoảng cách an toàn.

3. Trường hợp điều kiện thực tế cho phép, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại chỗ để rời, cập cầu hoặc rời, cập mạn tàu khác nếu bảo đảm an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

Điều 27. Bảo đảm an toàn khi neo đậu tàu thuyền

Việc neo đậu của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Điều 65 và 66 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau đây:

1. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết rõ lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

2. Cấm thả neo trong phạm vi luồng, vùng quay trở tàu (trừ trường hợp thả neo để quay trở), khu vực bến, các công trình ngầm, phía dưới đường dây điện cao thế, gần các báo hiệu hàng hải hay tại các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt. Trong trường hợp này, không miễn trừ trách nhiệm của thuyền trưởng nếu làm phát sinh thiệt hại về người, tài sản, môi trường do việc thả neo gây ra.

Điều 28. Trục ca khi tàu thuyền hoạt động tại cảng

Việc trục ca khi tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Điều 69 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các qui định khác có liên quan của pháp luật.

1. Trong thời gian tàu thuyền hoạt động tại cảng biển, thuyền trưởng phải bố trí thuyền viên trục ca, trên tàu luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên của tàu thuyền với các chức danh phù hợp để điều động tàu thuyền.

2. Giám đốc Cảng vụ thông báo cụ thể cho thuyền trưởng biết kế hoạch tránh bão, khu tránh bão, các chỉ dẫn hàng hải cần thiết và biện pháp phòng ngừa trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý mà tàu thuyền đang hoạt

động. Trường hợp có bão, tàu thuyền phải nhanh chóng di chuyển đến khu tránh bão theo lệnh của Giám đốc Cảng vụ.

Điều 29. Hoạt động nạo vét, thi công công trình

1. Trước khi hoạt động nạo vét, xây dựng, thi công các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác trong vùng nước cảng biển và vùng biển tỉnh Kiên Giang, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định.

3. Thuyền trưởng hoặc người chỉ huy tàu thuyền thi công phải xin phép Cảng vụ theo trình tự thủ tục được quy định tại Điều 11 Nội quy trước khi tiến hành thi công và chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công công trình trong vùng nước cảng biển.

Mục 5

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 30. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo Mục 6, Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Chậm nhất 16 giờ 00 phút hàng ngày, tổ chức hoa tiêu phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ biết kế hoạch dẫn tàu của ngày kế tiếp. Nội dung kế hoạch gồm: tên tàu, cầu cảng, địa điểm neo đậu khi tàu đến, rời; thời gian dự kiến hoa tiêu lên tàu, tên và hạng của hoa tiêu dẫn tàu.

2. Trường hợp có thay đổi hoặc yêu cầu phát sinh khác so với kế hoạch, tổ chức hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để kịp thời điều chỉnh lại kế hoạch điều động tàu trong ngày.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trường hợp có yêu cầu cung cấp hoa tiêu đột xuất hoặc có thay đổi so với kế hoạch thì tổ chức hoa tiêu phải xác báo kịp thời cho Cảng vụ biết.

Điều 31. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, đảm bảo an toàn để tàu hoa tiêu cập mạn, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí các thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm và nghĩa vụ của hoa tiêu dẫn tàu

1. Hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015. Khoản 6, 8, 9 Điều 103; Điều 104, 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ biết những nội dung sau:

a) Trong khi dẫn tàu, nếu phát hiện những thay đổi về báo hiệu hàng hải, luồng, tai nạn hàng hải, ô nhiễm môi trường phải thông báo kịp thời qua VHF hoặc những thiết bị thông tin cần thiết khác.

b) Trong trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay qua VHF hoặc những thiết bị thông tin cần thiết khác cho Cảng vụ; chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm rời tàu, phải báo cáo bằng văn bản có xác nhận của tổ chức hoa tiêu về sự việc xảy ra. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu dẫn tàu, diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có).

c) Những nhận biết của mình về các sự việc, tai nạn hàng hải xảy ra hoặc có thể làm ảnh hưởng đối với bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển.

Điều 33. Thông báo tình hình dẫn tàu của hoa tiêu

Việc hoa tiêu thông báo tình hình dẫn tàu phải thực hiện theo quy định và các yêu cầu sau đây:

1. Ngay trước khi tiến hành điều động dẫn tàu, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc điện thoại và chỉ tiến hành điều động khi được Cảng vụ chấp thuận.

2. Sau khi tàu neo đậu tại vị trí được chỉ định, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo chính xác cho Cảng vụ vị trí của tàu và chỉ được phép rời tàu sau khi Cảng vụ chấp thuận vị trí neo hiện tại của tàu.

3. Khi dẫn tàu đến vị trí trả hoa tiêu, trước khi rời tàu hoa tiêu có trách nhiệm báo cho Cảng vụ biết việc kết thúc dẫn tàu.

Điều 34. Nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

1. Trong trường hợp Thuyền trưởng của tàu thuyền được phép tự dẫn tàu theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 247 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam 2015, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ về việc tự dẫn tàu và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải khi được yêu cầu.

2. Thuyền trưởng của tàu thuyền quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 247 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 có thể yêu cầu hoa tiêu dẫn tàu nếu thấy cần thiết.

Điều 35. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động dẫn tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu thuyền sử dụng tàu lai) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ để xử lý kịp thời.

Mục 6 LAI DẮT HỖ TRỢ TẠI CẢNG BIỂN

Điều 36. Sử dụng tàu lai

1. Tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có chiều dài lớn nhất (LOA) từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau:

a) Tàu thuyền có chiều dài từ 80 m đến 100 m: có ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 500 CV.

b) Tàu thuyền có chiều dài trên 100 m đến 140 m: có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, mỗi tàu công suất tối thiểu theo thứ tự 1.000 CV và 500 CV.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 m đến dưới 160 m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.000 CV.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 160 m đến dưới 175 m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 1.000 CV và 1.500 CV.

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175 m đến dưới 190 m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.500 CV.

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190 m đến dưới 205 m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 1.500 CV và 2.000 CV.

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 205 m đến dưới 220 m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 2.000 CV.

h) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 220 m trở lên: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 3.000 CV.

i) Các tàu có chiều dài lớn hơn 200 m và mớn nước từ 10 m trở lên, phải sử dụng tàu lai có công suất bằng 1,5 lần công suất tàu lai được quy định tại Khoản 1 Điều này.

k) Đối với những sà lan không tự hành có chiều rộng từ 24 m trở lên, chiều dài từ 100 m trở lên thì ngoài tàu kéo phải bố trí thêm 02 tàu lai, mỗi tàu lai công suất tối thiểu theo thứ tự 500 CV và 1.000 CV.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, căn cứ điều kiện thực tế Giám đốc Cảng vụ quyết định số lượng và công suất tàu lai trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu thuyền chở chất dễ gây nổ, xăng dầu, khí hóa lỏng, hóa chất độc hại;

- b) Tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động chuyên dụng;
- c) Tàu thuyền có chiều dài, tổng trọng tải vượt quá giới hạn cho phép của cầu cảng, bến phao đã được công bố;
- d) Trường hợp tại khu vực tàu thuyền điều động không có tàu lai với công suất lớn phù hợp theo quy định tại Khoản 1 điều này. Giám đốc Cảng vụ quy định cụ thể số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền dựa trên đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng hoặc chủ tàu và tổ chức hoa tiêu dẫn tàu.
- đ) Các trường hợp cần thiết khác nhằm bảo đảm an toàn.

3. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 m khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ nếu cần thiết để bảo đảm an toàn cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

Điều 37. Điều kiện về cung cấp dịch vụ lai dắt

Tàu lai được thực hiện dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu thuyền khác trong vùng nước cảng biển phải chấp hành nghiêm chỉnh về công suất, số lượng tàu lai và đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Tàu lai đã được đăng ký, có giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực và tình trạng kỹ thuật bảo đảm an toàn theo quy định;
2. Định biên thuyền bộ được bố trí theo quy định;
3. Chủ tàu lai được phép kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu biển theo quy định.

Điều 38. Trách nhiệm của chủ tàu lai và thuyền trưởng

1. Hàng ngày vào 08 giờ 00 phút, chủ tàu lai phải thông báo qua Fax hoặc E-mail cho Cảng vụ kế hoạch lai dắt hỗ trợ (tên tàu, phương tiện lai, công suất, thời gian bắt đầu lai dắt hỗ trợ) và chậm nhất vào 16 giờ 00 phút phải thông báo kế hoạch ngày kế tiếp. Trường hợp có thay đổi hoặc phát sinh khác so với kế hoạch phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để kịp thời điều chỉnh lại kế hoạch điều động tàu trong ngày.

2. Khi thực hiện việc lai dắt hỗ trợ tàu thuyền cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ thuyền trưởng tàu lai phải sẵn sàng đáp ứng theo yêu cầu của thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu thuyền được lai dắt hỗ trợ.

3. Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu thuyền được lai dắt hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ về việc tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất tàu lai theo quy định.

Mục 7

BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRẬT TỰ, VỆ SINH TẠI CẢNG BIỂN

Điều 39. Bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải

Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển và doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải theo quy định tại Điều 106 và Điều 108 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code), quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Việc neo đậu, cập cầu, cập mạn của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải.

2. Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ; tàu thuyền phải hành trình tốc độ an toàn, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.

3. Tàu thuyền điều động trong vùng nước cảng biển để chạy thử, khử độ lệch la bàn hoặc hiệu chỉnh các thiết bị hàng hải phải thông báo cho Cảng vụ biết và chỉ được tiến hành khi đã được chấp thuận.

4. Đối với tàu vận tải hành khách tại thời điểm nhận trả hành khách lên xuống tàu, tuyệt đối không được bơm, tiếp hay cung ứng nhiên liệu xuống tàu để phòng chống cháy, nổ gây nguy hiểm đến con người.

Điều 40. Tìm kiếm cứu nạn hàng hải

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định của pháp luật có liên quan và các yêu cầu sau đây:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như phao EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

Điều 41. Xử lý tai nạn hàng hải

Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp để giảm

đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình.

3. Gửi cho Cảng vụ báo cáo tai nạn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 42. Hoạt động khai thác khoáng sản, cấm đặng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

1. Ngoài việc thực hiện theo Điều 110 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật, tổ chức, cá nhân hoạt động đóng đặng, đáy, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển chỉ được tiến hành khi được chấp thuận Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền của địa phương; đặng, đáy và các phương tiện đánh bắt thủy sản cố định phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

- a) Đóng đúng vị trí, thời hạn trong văn bản chấp thuận;
- b) Đặng, đáy và các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản cố định khác phải được trang bị đèn hiệu, dấu hiệu theo quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Đóng cách xa luồng, công trình ngầm, đèn biển, nhà đèn, bến phao, báo hiệu hàng hải và các công trình khác;
- d) Cấm đóng đặng, đáy theo kiểu chữ chi hoặc cài răng lược trên sông.

2. Không được sử dụng các loại đặng, đáy di động, lưới rê, lưới vét hoặc các phương tiện khác để đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, nếu việc đó làm trở ngại đối với hoạt động của tàu thuyền.

3. Khi không sử dụng đặng, đáy hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản cố định khác, phải tự dỡ bỏ, nhổ hết các cọc đã cắm và thanh thải các chướng ngại vật khác do hoạt động đặng, đáy hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản cố định khác tạo ra.

Điều 43. Hoạt động diễn tập quân sự, thể thao, giải trí

Việc tổ chức các hoạt động diễn tập quân sự, thể thao, giải trí và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Không được làm ngưng trệ hoạt động hàng hải tại khu vực.
2. Chậm nhất 15 ngày trước khi dự định tổ chức các hoạt động trên, đơn vị tổ chức phải gửi văn bản đề nghị công bố thông báo hàng hải, phương án bảo đảm an toàn cho Cảng vụ và chỉ tiến hành sau khi đã được chấp thuận bằng văn bản.

Điều 44. Đồ rác, xả nước thải và nước dằn tàu

Tàu thuyền, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về đồ rác, xả nước bẩn và nước dằn tàu tại cảng biển theo Điều 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện chế độ đổ rác, bơm xả nước bẩn và nước dẫn tàu.

a) Rác thải sinh hoạt phải được phân loại và đựng trong các dụng cụ chứa phù hợp để đơn vị thu gom rác tiến hành thu gom ngay sau khi tàu đến cảng, sau đó thực hiện 02 (hai) ngày một lần đối với tàu hàng, 01 (một) ngày một lần đối với tàu khách;

b) Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ.

2. Doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu thuyền tại cảng phải bố trí phương tiện đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận rác thải, nước bẩn từ tàu thuyền và phải tuân thủ quy định về vệ sinh và bảo vệ môi trường.

Mục 8

PHÒNG, CHỐNG CHÁY, NỔ VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Điều 45. Phòng, chống cháy, nổ

Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển theo các Điều 113, 114 và 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu chở xăng dầu, khí hoá lỏng, vật liệu nổ, hóa chất độc hại khi vào vùng nước cảng biển phải chuẩn bị các dụng cụ phòng, chống cháy nổ đặt tại các vị trí theo quy định và sẵn sàng sử dụng.

2. Doanh nghiệp cảng, cơ sở phá dỡ tàu cũ, doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền phải có đủ các phương tiện, thiết bị phòng, chống cháy, nổ để sẵn sàng sử dụng.

3. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ.

Điều 46. Phòng ngừa ô nhiễm môi trường

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại cảng biển theo các Điều 116, 118 và 119 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP CẢNG

Điều 47. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện theo Điều 67 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Chậm nhất 16 giờ 00 phút hàng ngày, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản (Fax, E-mail hoặc gửi trực tiếp) cho Cảng vụ biết kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng cho Cảng vụ để lập và triển khai kế hoạch điều độ tàu và làm hàng cho ngày kế tiếp; trường hợp có thay đổi đột xuất phải thông báo kịp thời bằng văn bản (Fax, E-mail hoặc gửi trực tiếp) hoặc bằng điện thoại hay qua VHF cho Cảng vụ.

2. Gửi Cảng vụ Thông báo hàng hải kèm theo bình đồ về độ sâu vùng nước trước cầu cảng, bến phao theo quy định.

3. Trong thời gian điều độ tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cầu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu phải vươn ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 48. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam; Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và Nội quy này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh với Cảng vụ để sửa đổi, bổ sung Nội quy cho phù hợp.

Điều 49. Tổ chức thực hiện

Trưởng phòng: Pháp chế, Thanh tra - An toàn, An ninh hàng hải, Tổ chức - Hành chính, Tài vụ, Trưởng đại diện và Trưởng trạm có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nội quy này.

GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN TÀI